

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2452 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường  
của Dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy xử lý  
chất thải công nghiệp và nguy hại (lần thứ 3)”**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại (lần thứ 3)” họp ngày 12 tháng 5 năm 2017;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại (lần thứ 3)” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 2906/2017/CV-BPX ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Công nghệ môi trường Bình Phước Xanh;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng, nâng công suất nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại (lần thứ 3)” tại xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH Công nghệ môi trường Bình Phước Xanh (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Một (01) lò đốt chất thải công nghiệp, công suất 3.000 kg/giờ



1.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung bao gồm trạm xử lý nước thải công suất  $1.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$  và 02 hồ điều hòa, 01 hồ sục, dung tích mỗi hồ  $10.800 \text{ m}^3$ .

1.3. Hệ thống thu hồi muối sắt, công suất 20 tấn/giờ.

1.4. Hệ thống xử lý, tái chế sản phẩm thải bỏ, công suất 10 tấn/giờ.

1.5. Hệ thống tái chế nhựa, công suất 12 tấn/ngày.

1.6. Hệ thống xúc rửa thùng phuy, công suất 12,6 tấn/giờ.

1.7. Hệ thống tẩy rửa kim loại, công suất 3 tấn/giờ.

1.8. Hệ thống xử lý chất thải điện tử, công suất 800 kg/giờ.

1.9. Hệ thống xử lý, tái chế ắc quy thải, công suất 750 kg/giờ.

1.10. Hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang thải, công suất 500 kg/giờ.

1.11. Hệ thống xử lý, tái chế bụi lò luyện thép, công suất 450 tấn/ngày.

1.12. Hệ thống sản xuất gạch không nung, công suất 600 tấn/ngày.

1.13. Hệ thống thu hồi, tái chế kim loại (vàng, bạc, paladi), công suất 20 tấn/ngày.

1.14. Bãi chôn lấp chất thải rắn thông thường, gồm 02 ô chôn lấp diện tích mỗi ô  $11.838 \text{ m}^2$ .

1.15. Hai mươi (20) bể cô lập chất thải bằng đóng kén trong bể bê tông (bể đóng kén), diện tích mỗi bể  $100 \text{ m}^2$ .

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Tuân thủ các quy chuẩn môi trường hiện hành có liên quan và các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

2.2. Thiết kế, vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn thông thường theo quy định tại TCXDVN 261:2001 - Bãi chôn lấp chất thải rắn - Tiêu chuẩn thiết kế; xây dựng, vận hành hệ thống bể đóng kén theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại.

2.3. Thiết kế, xây dựng hệ thống hồ điều hòa và hồ sục đảm bảo chống tràn, chống thấm thành, đáy hồ, không để nước thải thấm thấu gây ô nhiễm đến môi trường nước mặt, nước dưới đất.

2.4. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và nước rỉ rác từ các ô chôn lấp của Dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,1$ ) trước khi xả thải; lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục để kiểm soát lưu lượng và các thông số nhiệt độ, pH, COD, TSS của nước thải tại cửa xả hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

2.5. Thực hiện các yêu cầu kỹ thuật và môi trường đối với lò đốt chất thải công nghiệp theo quy định tại QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp; thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hạng mục, công trình khác của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số  $K_p = 1,0$  và  $K_v = 1,2$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.6. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

2.7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Thực hiện đăng ký cấp phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ các nguồn chất thải từ khâu thu gom, tiếp nhận vào Dự án đến các công đoạn xử lý, tái chế.

3.3. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy, nổ trong giai đoạn thực hiện Dự án theo đúng các quy định của pháp luật.

3.4. Thực hiện đăng ký và công bố chất lượng của các loại sản phẩm tái chế của Dự án theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

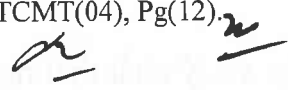
4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước và các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / 

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Công nghệ môi trường Bình Phước Xanh; ✓
  - Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
  - UBND tỉnh Bình Phước;
  - Sở TN&MT tỉnh Bình Phước;
  - Lưu: VT, VPMC, TCMT(04), Pg(12).
- 

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Võ Tuấn Nhân**